

Đội viên người Việt, đội nhân Trung Hoa bắt đầu thời cổ sơ.



Trĩn Gia Phĩng

Việt Nam nằm về phía nam Trung Hoa, mặt nước liền kề với Việt Nam. Vị trí địa lý này là một đội nhân thông qua trao đổi cho Việt Nam, vì các nhà lãnh đạo Trung Hoa qua mặt thời đại, luôn luôn thông qua liên lạc, tìm cách xâm lấn các nước nhỏ láng giềng, trong đó có Việt Nam. Bài này trình bày đội nhân Trung Hoa thời cổ sơ.

1. Trung Hoa xâm chiếm các Việt

Phong kiến, lúc mới lập quốc, người Trung Hoa quần sinh sống chung quanh lưu vực Hoàng Hà (Huang He), phía bắc Đông Ng Tĩ Giang (Yang Zi Jiang), khá xa các Việt. Các triều đại Trung Hoa đầu tiên theo chế độ phong kiến, tổ chức phong hầu (phong chức) và kiến địa (cấp độ) cai trị. Hoàng đế Trung Hoa nắm giữ chính quyền trung ương. Các viên chức hầu đầu tiên của các tiểu quốc chung quanh gọi là chư hầu. Vào thế kỷ 3 trước Công nguyên (TCN), nhà Châu (Chou) suy yếu. Trong các chế độ, lúc đó nước Tần mạnh nhất.

Năm 221 trước TCN, vua nước Tần là Tần Chính tiêu diệt các chế độ, thống nhất Trung Hoa, lên ngôi hoàng đế Tần Thủy Hoàng (Ch'in Shih Huang, trị vì 221-210 TCN), lập ra nhà Tần (Ch'in). Tần Thủy Hoàng bãi bỏ chế độ phong kiến, xóa các nước nhỏ, chia Trung Hoa thành 36 quận, đặt quan cai trị, thu về quyền hoàng đế.

Nhưng trong trung nguyên Trung Hoa, Tần Thủy Hoàng sai Đồ Thĩ (Tu Shu) và Sĩ Lĩc (Shi Lu) cầm quân vượt qua sông Đông Ng Tĩ năm 214 TCN (đỉnh hời), mang bờ cõi xuống phía nam, chiếm vùng đất mà người Trung Hoa gọi là vùng Bách Việt, lập thành ba quận là Quĩ Lâm (Kueilin), Nam Hải (Nanhai), và Đông Ng Quĩn (Hsiang).

Quĩ Lâm nay là vùng bắc và đông Quĩng Tây. Nam Hải là vùng Quĩng Đông. Đông Ng Quĩn là đất các Việt, tổ chức vùng Bắc Việt ngày nay. Trong ba quận này, Đông Ng Quĩn xa xôi nhất đối với Trung Hoa. Phía bắc Đông Ng Quĩn, núi non hiểm trở bao bọc, ngăn cách với Nam Hải, Quĩ Lâm, và trung nguyên Trung Hoa.

Đồ Thĩ bắt người địa phương kháng cự và giết chết. Nhà Tần cử Nhâm Ngao (hay Nhâm Hiếu) làm hiệu úy quân Nam Hải và Triệu Đà (Chao T'o) làm huyện lệnh Long Xuyên (Lung-Chuan), thời phong kiến quân Nam Hải.

Năm 210 TCN (tân mao), Triệu Đà đem quân sang đánh Đông Ng Quĩn hay các Việt. Theo truyền

thuyết, vua c Vi t là An Dng Vng, nh có n th n nên đã đy lui quân Tri u Đà. Tri u Đà li n gi ng hòa và cho con trai là Trng Th y sang kt hôn v i con gái c a An Dng Vng là M Châu. Trng Th y lên b gầy n th n, thay b ng m t n gi , r i v n c. Năm 208 TCN (quý t), Tri u Đà t n công An Dng Vng l n n a, và chi m đ c khu v c c Vi t.(1)

Lúc đó, Nhâm Ngao b b nh qua đ i. Tr c khi t tr n, Nhâm Ngao khuyên Tri u Đà nên d a vào đ a th xa xôi hi m tr c a qu n Nam H i, thành l p m t n c đ c l p. Năm 207 TCN (giáp ng), Tri u Đà chi m Nam H i và t x ng v ng, t c Tri u Võ Vng, đ t qu c hi u là Nam Vi t, đóng đô i Phiên Ngung (có tài li u g i là Phan Ngụ hay Phan Ngung). Năm 198 TCN (quý mao), Tri u Võ Vng c ng i sang cai tr c Vi t.(C ng m c, bd. t p 1, sdd. tr. 89.)

Bên Trung Hoa, sau khi nhà T n b l t đ , Hng Vĩ (Xiang Yu) cùng L u Bang (Liu Bang) tranh hùng. L u Bang thành công, lên ngôi hoàng đ , t c Hán Cao T (Han Kao Tsu, tr vì 202-195 TCN), l p ra nhà Hán (202 TCN - 220). Lúc đ u, Hán Cao T v n đ h Tri u làm v ng đ t Nam Vi t. G n 100 năm sau, Hán Vĩ Đ (Han Wu Ti, tr vì 141-87 TCN) sai L Bc Đ c (Lu Bo De) đem quân đánh nhà Tri u năm canh ng (111 TCN), gi t vua Tri u Dng Vng và thái phó L Gia, chi m n c Nam Vi t.

C n chú ý là Tri u Đà v n là t ng c a nhà T n, vâng l nh nhà T n làm huy n l nh Long Xuyên, th ph c a qu n Nam H i, nhân c h i xáo tr n i Trung Hoa, đ ng lên chi m qu n Nam H i, l p ra n c Nam Vi t. Tri u Đà không ph i là ng i đ a ph ng Bách Vi t. Tri u Đà xâm lăng c Vi t và sáp nh p c Vi t vào n c m i c a ông là Nam Vi t.

Theo s gia Ngô Th i S (th k 18), tác gi b Vi t s tiêu án, vì Tri u Đà sáp nh p c Vi t vào n c Nam Vi t, nên khi Nam Vi t b L Bc Đ c sáp nh p vào n c Trung Hoa năm 111 TCN, vùng c Vi t cũng b sáp nh p luôn vào Trung Hoa, ch tr c kia quân đ i c a tri u đình Trung Hoa không xu ng t n mi n biên vi n xa xôi n y. Do đó, theo Ngô Th i S , Tri u Đà ch ng nh ng không có công gì v i c Vi t mà là ng i đem h a l i cho c Vi t n a.(2) T đó, c Vi t b Trung Hoa đô h cho đ n năm 938, khi Ngô Quy n chi n th ng tr n Bch Đ ng Giang, đánh đ u i quân Nam Hán ra kh i n c.

2.- Ch tr ng thu c đ a th a dân

Khi g i quân v t sông Dng T , đánh chi m Bách Vi t, tri u đình Trung Hoa th c hi n ngay chính sách thu c đ a th c dân (th c = tr ng, t c tr ng ng i). Tri u đình Trung Hoa g i ng i Trung Hoa, thu c ch ng Mongoloid (Mông-c) đ n các vùng đ t m i chi m càng ngày càng đông. Nh ng đ t di dân đ u tiên có th g m hai h ng ng i: th nh t là nh ng binh sĩ đi chi m đ t và th hai là nh ng ng i có tr ng t i, b l u đầy đ n mi n biên vi n. Khi làm l nh Long Xuyên, Tri u Đà g i s v tri u đình nhà T n, xin tri u đình g i ba v n con gái ho c đàn bà góa sang đ làm v binh sĩ.(3) Nh th , ch ng t s ng i g c Hoa đ c g i đ n vùng Nam H i lên khá đông.

T khi Tri u Võ Vng (Tri u Đà) c ng i sang cai tr c Vi t (198 TCN), ng i Trung Hoa thu c ch ng Mongoloid di c đ n t n c Vi t càng ngày càng đông, đ n n i có s thuyết cho r ng nh ng ng i Hoa di c n y chính là t tiên ng i Vi t. Trong th c t nh ng di ch kh o c

cho thấy những người đầu tiên sống trên đất cổ Việt nói chung thuộc chủng người đầu c s p vào nhóm Indonesian hay Mã Lai Đa Đảo (Malayo-Polynesian). Những người Hoa di cư từ thời Triũu Đà đĩn Cũ Việt sinh sống, đã hĩp chủng với người bản địa cũ Việt để trở thành tổ tiên người Việt ngày nay.

Theo sách The Living Races of Men (New York, 1966), các tĩn sĩ Carleton S. Coon và Edward E. Hunt Jr. dựa trên những khảo cứu về huyết hĩc, đã sũp người Đông Nam Á, trong đó có người Việt Nam, và người Indonesian nĩm chung trong một hĩ thĩng huyết tĩc với nhau.(4) Bên cĩnh đó, trong những nghiên cứu về nguĩn gốc người Việt Nam, bĩ bách khoa Encyclopedia Britannica (1999) đã kết luận "... rằng giĩa người Việt với người Thái và các tĩc hĩ Indonesian có liên hĩ mĩnh mẽ [chĩt chĩ] về xã hĩi và văn hĩa."(5) Các kết quả nĩy cho thấy trong cuộc hĩp chủng Việt Hoa thời cũ Việt, yũu tố bản địa có tính cách chủ yũu quan trọng cũ về chủng tĩc, lĩn văn hĩa và xã hĩi.

Yũu tố bản địa còn thấy rõ trong hai sũ kiĩn: 1) Thĩ nhĩt, đầu bĩ đô hĩ hĩn một ngàn năm trong thời cũ sũ, người Việt vĩn duy trì tĩng Việt, vĩn nói tĩng Việt cho đĩn ngày nay, trong khi chủng viĩt có thể thay đĩi. 2) Thĩ hai, đế quốc Trung Hoa xâm chiĩm mĩn Nam sông Dũĩng Tũ, một vùng đất rộng mẽnh mĩng với nhiũu sũc dân khác nhau, duy nhĩt chủng cũ người cũ Việt nĩi lên giành đất lĩp, trong khi các sũc dân khác đành chịu sũ đô hĩ cũa Trung Hoa. Điũu nĩy cho thấy sũc dân bản địa là một thành tố quan trọng trong sũ sống còn cũa người Việt.

Đĩu đế cũ biĩt là những người Mongoloid di cư đĩn sinh sống trên đất cũ Việt, từ đĩi nĩy qua đĩi khác, đã gĩn liĩn với những quyĩn lĩi chính trị, kinh tĩ người bản địa cũ Việt. Tũ đó những người Mongoloid di cư đĩn cũ Việt để cũ Việt hĩa đĩn đĩn, và trở thành một bộ phận cũa dân Việt, trái ngược với chủng trũĩng đếng hĩa người Việt cũa triũu đĩnh Trung Hoa. (Thay vì đếng hĩa người Việt theo Trung Hoa, thì người Trung Hoa di cư lĩi biĩn thành người Việt.) Có khi chính những người gốc Hoa di cư cũng nĩi lên chủng lĩi chủng đô hĩ Trung Hoa.

Tũĩng trịng cho khuynh hĩĩng nĩy là cuộc nĩi dũy cũa Lũĩng Long năm 178 (mũu ngũ), rồi cũa các binh sĩ triũu đĩnh Trung Hoa tũĩ Giao Chĩ năm 184 (giáp tũ), và nĩi bĩt hĩn cũ là Lý Bĩn năm 541 (tĩn đũu). Sách Đĩi Việt sũ ký toàn thĩ viĩt về Lý Bĩn như sau: "Tũ tiên là người Bĩc [Trung Quĩc], củĩi thĩ Tây Hán [202 TCN-25 SCN] khĩ với viĩc đánh đĩp, mẽi tránh sang đĩt phũĩng Nam, đế cũ 7 đĩi thì thành người Nam..."(6) Câu nĩy không khĩng đĩnh là đế cũ bĩy đĩi mẽi trở thành người Nam, nhưng ý cho thấy sống lâu năm và nhiũu đĩi cũ Việt "thĩ thành người Nam".

Nhĩ thĩ, từ thời Tũn Thĩy Hoĩng, Trung Hoa bĩt đũu xâm chiĩm mĩn nam sông Dũĩng Tũ, tĩn xuĩng cũ Việt. Nhà cũm quyĩn Trung Hoa di dân đế đếng hĩa vùng Bách Việt, những khi đĩn Tũĩng Quĩn, tĩc cũ Việt, mẽu đũ nĩy bĩt thành, vì gĩp sũ chủng đĩi mẽnh mẽ cũa người cũ Việt, trong đó có cũnh những di dân từ phũĩng bĩc đĩn. Ngũi cũ Việt luôn luôn kiĩm cách nĩi dũy chủng lĩi nhà cũm quyĩn thĩc dân Trung Hoa, đế giành lĩy chủ quyĩn và nĩn đế cũ lĩp cũa mẽnh.

3.- Huyết thoĩ khai hĩa

Đĩt cũ Việt bĩ Trung Hoa đô hĩ từ năm 208 TCN đĩn năm 938, là năm Ngũ Quyĩn đánh đĩi

quân Nam Hán ra kh i b cỡi c Vi t.(7) Nhà c m quy n Trung Hoa đ a ng i sang c Vi t, v a đ bi n c Vi t thành m t thu c đ a th c dân c a Trung Hoa, làm phiên thu c nh m b o đ m an ninh phía nam c a Trung Hoa, v a đ t ch c khai thác và bóc l t thu c đ a.

Công cu c khai thác c a nh ng nhà đô h Trung Hoa ch nh m ph c v quy n l i Trung Hoa, nh ng l i luôn luôn t đ cao là h đã khai hóa dân Vi t mà h cho là “Nam man”.(8) Theo sách H u Hán th (Hou Han shu, sách v đ i H u Hán, vi t vào th k th 5): “T c C u Chân làm ngh s n ch không bi t dùng bò đ cày. Dân th ng ph i mua lúa Giao Ch m i l n b thi u th n. [Nhâm] Diên bèn truy n đúc các th đ i n khí đ y cho h kh n ru ng, ru ng đ t trù m t, m i năm m t r ng thêm; trăm h đ c đ y đ . Dân L c Vi t l i không có phép c i h i, m i ng i a dâm d t, không quen thói s ng chung v i nhau, nên không bi t tình cha con, không bi t đ o v ch ng. Vì v y Diên g i th đ i các huy n thu c quy n ông, truy n cho m i ng i đàn ông t 20 đ n 50 tu i, đàn bà t 15 đ n 40 tu i, t t c tùy theo tu i tác mà c i h i nhau... Tr c kia trong th i Bình Đ có Tích Quang, ng i Hán Trung làm thái thú Giao Ch , l y l nghĩa đ y cho dân Man di ăn , ti ng giáo hóa cũng l ng l y nh ông Diên...Đ t Lĩnh Nam gi phong t c Trung Hoa b t đ u t hai v thái thú đó...”(9)

Đo n văn n y k công hai nhân v t tiêu bi u cho các thái thú Trung Hoa, là Tích Quan (Xi Guang/ Hsi Kuang) và Nhâm Diên (Ren Yan / Jen Yen). Tích Quang làm thái thú Giao Ch (châu th sông H ng), đ i vua Hán Bình Đ (1-5 SCN). Nhâm Diên làm thái thú C u Chân (châu th sông Mã) t năm 25 đ n năm 29 (SCN) thì đ c g i v Trung Hoa.

Hai nhân v t n y, theo H u Hán th , đã có công: 1) Truy n đ y vi c dùng đ i n khí đ cày ru ng. 2) Giáo hóa dân b n đ a. Hai “s ngh i p” n y đ c các b s Trung Hoa ca t ng và đ c m t s b s Vi t Nam chép theo. Đây là hai v n đ tiêu bi u c n đ c xem xét l i:

a) Th nh t, “Diên bèn truy n đúc các th đ i n khí đ y cho h kh n ru ng”. Đ a vào câu n y, các sách x a cho r ng chính Nhâm Diên đã đ y cho dân Vi t bi t cách dùng l i i cày b ng kim khí (đ i n khí) đ cày ru ng. C n chú ý là ng i Trung Hoa x a vùng Hoàng Hà, tr ng lúa mì và lúa m ch trên ru ng khô, không bi t lúa g o (lúa n c), thì làm sao gi i k thu t tr ng lúa g o ru ng n c mà đ y ng i Vi t?

Trong khi đó, m t tài li u c c a Trung Hoa xác đ nh rõ ràng lúa tr ng t i c Vi t là lo i lúa n c, theo th y tri u lên xu ng mà cày c y. Sách Giao Châu ngo i v c ký [vi t kho ng gi a đ i T n (265-420) Trung Hoa] vi t: “...H i x a, ch a có qu n huy n, thì L c đ i n tùy theo th y tri u lên xu ng mà cày c y. Ng i cày ru ng y g i là L c dân, ng i cai qu n dân g i là L c v ng, ng i phó là L c t ng, đ u có n b ng đ ng và đ i s c xanh làm huy hi u...”(10) “Theo th y tri u lên xu ng mà cày c y” chính là lúa tr ng trong ru ng n c, hay lúa g o.

Càng ngày càng có nhi u kh o c u c a các h c gi Hoa K , Nga, Trung Hoa và c Vi t Nam, cho th y r ng Đông Nam Á là trung tâm đ u tiên trên th gi i c a n n văn minh lúa n c, r i t đó lan truy n đi kh p n i trên th gi i. Cũng theo các tác gi trên, tâm đ i m c a trung tâm văn minh lúa n c Đông nam Á chính là khu v c Hòa Bình B c Vi t.(11) Hòa Bình n m trong khu v c u n khúc c a sông Đà đ đ lên sông H ng, g n huy n Mê Linh (t c Phú Th , Vĩnh Phúc), qu n Giao Ch th i c Vi t, n i phát tích c a Hai Bà Tr ng.

Ti n sĩ Wilhelm G. Solheim II, giáo s nhân ch ng h c thu c Đ i h c Hawaii, chuyên viên v ti n s Đông Nam Á, cho bi t nh ng di ch ông tìm ki m đ c năm 1963 mách b o r ng s c dân L c Vi t Đông Nam Á đã bi t tr ng lúa và bi t cách đúc đ ng s m h n các mi n C n đông, n Đ và Trung Hoa. (National Geographic, Vol. 139, No. 3, March 1971.)

Theo m t tài li u khác, t i Mê Linh (Vĩnh Phúc, Phú Th ngày nay) qu n Giao Ch (châu th H ng Hà), ng i ta tìm th y nh ng b x ng trâu đã có m t t i đây kho ng 2,000 năm tr c Công nguyên, và hai i cày b ng đ ng theo mô th c Đông S n (th k th 5 TCN đ n th k 1 SCN) dùng cho trâu cày.(12)

Nh th , rõ ràng Nhâm Diên không ph i là ng i khai tâm dân Vi t dùng đi n khí đ cày c y nh H u Hán th đã vi t và các b s khác chép theo. Dân L c Vi t đã bi t làm ru ng, tr ng lúa n c (lúa g o) và đã bi t s đ ng đi n khí tr c khi ng i Trung Hoa đ n xâm lăng, ch không ph i ng i Trung Hoa đ y dân L c Vi t dùng đi n khí đ cày c y. Lúc đó, dân L c Vi t dùng i cày b ng đ ng vì đ đ ng là ngh luy n kim chính c a dân L c Vi t (v n n i ti ng v tr ng đ ng), và nh t là đ s t b h n ch , do vi c bà L h u nhà Hán đã ra i nh c m xu t c ng s t xu ng phía nam Trung Hoa t năm 183 TCN.(C ng m c, tr. 92.)

V y ph i ch ng Nhâm Diên, thái thú C u Chân (vùng châu th sông Mã), n i có trung tâm tr ng đ ng Đông S n (Thanh Hóa), ch ng ki n c nh dân chúng đ a ph ng đã cày c y b ng i cày b ng đ ng theo mô th c Đông S n, r i báo cáo nh trên đ l p công v i tri u đình Trung Hoa?

b) Đi u th hai, H u Hán th còn cho r ng ng i Vi t “không có phép c i h i... không quen thói s ng chung v i nhau nên không bi t tình cha con, không bi t đ o v ch ng”, nên Nhâm Diên đ y dân Vi t c i h i theo i giáo. T p t c c i h i, cũng nh các i nghi, t p quán trong đ i s ng m i s c dân m i khác. Ng i c Vi t có phong t c c a ng i c Vi t. Dân Trung Hoa có t p quán c a dân Trung Hoa. Đ i th i Mã Vi n cai tr c Vi t, H u Hán th (quy n 54) chép r ng: “Lu t dân Vi t và lu t nhà Hán khác nhau đ n h n m i đi u.”(13)

Nh ng t p t c c i h i c a các b t c mi n núi Vi t Nam ngày nay, có th xem là v t tích t p t c c a ng i c Vi t còn đ c l u truy n. D u theo m u h , nh ng t p t c c i h i n y khác v i t p t c c a nh ng ng i i mi n đ ng b ng (ng i Kinh), nh ng không có gì là đ i phong b i t c, đáng đ lên án hay đáng đ thay th . V v y, khi đô h c Vi t, các nhà cai tr Trung Hoa b t ng i c Vi t b nh ng t p t c c i h i c a ng i c Vi t, và theo nh ng t p t c c i h i Trung Qu c, là m t s áp đ t văn hóa thô b o, ch không ph i là giáo hóa cho ng i c Vi t.

Duy có m t đi u ch c ch n là c i h i theo i giáo Trung Hoa, t c c i h i theo ph h , đ “bi t tình cha con, đ o v ch ng”, nghĩa là l p thành t ng h gia đình nh . Đi u n y đ i v i nh ng nhà đô h Trung Hoa có hai đi u i cho công vi c cai tr . Th nh t, qua các h gia đình, nhà c m quy n đô h n m v ng tình hình dân s , tình hình an ninh đ a ph ng. Th hai, nhà c m quy n đô h s đ a vào s h dân đ thu thu theo cách mà V ng (Wei Yang) hay Th ng (Shang Yang, 390-338 TCN), đã thi t l p t i Trung Hoa t th k th 4 tr c Công nguyên.(14) An ninh và thu thu là hai m c đích hàng đ u c a ch đ đô h bóc l t.

Ngoài Nhâm Diên, thái thú Tích Quang “i y i nghĩa đ y cho dân Man di ăn , ti ng giáo hóa cũng i ng i y...”. I nghĩa mà Tích Quang ph bi n cho dân chúng c Vi t ch c ch n không

ngoài nghĩa Nho giáo, v i ba gi ng m i chính là tam c ng (vua tôi, ch ng v , cha con) và năm đ o chính là ngũ th ng (nhân, nghĩa, l , trí, tín). Ai cũng bi t Nho giáo là m t tri t thuy t chính tr h u thu n cho ch đ quân ch , trong đó đ ng đ u là đ o “trung quân”. Trung quân có nghĩa là trung thành v i vua. Lúc đó c Vi t không có vua; ch có vua Trung Hoa. Trung thành v i vua Trung Hoa là m c nhiên ch p nh n n n đô h c a Trung Hoa. Nh th , l giáo c a Tích Quang cũng ch đ n đ nh xã h i và ph c v cho công cu c th ng tr c a th c dân Trung Hoa.

Công vi c “giáo hóa” c a hai thái thú Tích Quang và Nhâm Diên, nh t là vi c áp d ng t c l c i h i theo l nghi Trung Hoa, b ng i Vi t ch ng đ i. M t t trình c a Ti t T ng (Hsueh Tsung) vào năm 231, 5 năm sau khi Sĩ Nhi p ch t, g i cho tri u đình Đông Ngô th i Tam qu c (213 - 280), cho r ng cho đ n khi Ti t T ng đ n Giao Ch đ i th i Sĩ Nhi p (Shi She) làm thái thú (t 187 đ n 226), t c là sau m y trăm năm đô h , nh h ng văn hóa Trung Hoa không đúng theo nh các báo cáo tr c đó; ng i Giao Ch và C u Chân v n còn gi t c l gia đình c a h .(15)

Đi u n y không l , vì đ n th k 15, Qu c tri u hình lu t th i nhà H u Lê đã th a nh n trong đi u 40 r ng: “Ng i “man liêu” là ng i s c t c thi u s và tuy có văn hóa khác v i dân Vi t, v n thu c thành ph n qu c dân Đ i Vi t...”(16) H n n a, cho đ n ngày nay, t c 20 th k sau, vùng r ng núi Vi t Nam v n còn m t s b t c theo m u h , t p quán riêng c a h .

Nh th , chuy n Nhâm Diên d y cho dân Vi t dùng đi n khí đ cày c y, hay chuy n Nhâm Diên và Tích Quang giáo hóa dân Vi t, đ u ch là nh ng huy n tho i làm đ p cho ch đ đô h . Trong khi đó ng i Trung Hoa h c cách cày c y lúa n c c a ng i Vi t và du nh p lúa n c vào Trung Qu c, làm phong phú sinh ho t kinh t Trung Hoa.

Trong sách Ancient China (1967), tác gi Edward H. Schafer vi t r ng: “Thu t tr ng lúa g o và thu n hóa gia súc ch c ch n [Trung Hoa] đã ti p thu t các s c dân t m th ng mi n nam xa xôi h o lánh [nam Man].” (Nguyên văn: “The art of cultivating rice and domesticating cattle were doubtless adopted from the despised races of the remote south.”)(17a)

Cũng nhà nghiên c u n y cho r ng Đ c Kh ng T (551-478 TCN), ng i t nh S n Đông (Shandong) vùng h l u Hoàng Hà và phía b c sông Đ ng T , “s ng ch y u b ng lo i bánh làm b ng kê”. (nguyên văn: “...Confucius have subsisted chiefly on millet cakes...”), và “Kh ng T ch a bao gi th ng th c trà, và ch c ch n r ng V ng Xung, sáu th k sau, cũng th .” (nguyên văn: “...Confucius never tasted tea, and it is doubtful that Wang Ch'ung, six centuries later, did either....”)(17b) Trà là lo i gi i khát cũng phát xu t t mi n nam.

Ch tr ng bóc l t c a tri u đình Trung Hoa khi n ng khi nh , tùy hoàn c nh và tùy t cách c a các thái thú Trung Hoa, có ng i t t k x u, nh ng th c ch t tr c sau cũng đ u ch nh m m c đích v v t cho Trung Hoa. Chính sách bóc l t n y lên cao đi m khi vua Hán Quang Vũ (Han Guang Wu) c Tô Đ nh (Su Ding) sang làm thái thú Giao Ch năm 34 (giáp ng). Tô Đ nh r t tham tàn và hà kh c, áp d ng ch tr ng khai thác và bóc l t m t cách tri t đ , đã đ a đ n cu c kh i nghĩa giành đ c l p đ u tiên năm 40 (canh tý) c a dân c Vi t do Hai Bà Tr ng lãnh đ o.

Kötlük

1. Quốc sở quản trị u Nguyễn, Khâm đ nh Vi t s thông giám c ng m c, (vi t t t: C ng

m c), (Ch Nho), Hà N i: b n d ch c a Nxb. Giáo D c, 1998, t p 1, tt. 80-89.

2. Ngô Th i S , Vi t s tiêu án, b n d ch c a H i Vi t Nam Nghiên C u Liên L c Văn Hóa Á Châu, Sài Gòn, San Jose: Văn S tái b n, 1991, tr. 34.

3. Nguy n Ph ng, Vi t Nam th i khai sinh, Hu : Phòng Nghiên c u S , Vi n Đ i H c, 1965, tr. 235.

4. Carleton S. Coon & Edward E. Hunt J., The Living Races of Man, New York: Nxb. Alfred A. Knopf, 1966, đ b n 12, tr. 286.

5. Encyclopedia Britannica, 1999, (CD), "Vietnam History..."

6. Ngô Sĩ Liên, Đ i Vi t s ký toàn th [ch Nho], Hà N i: b n d ch Nxb. Khoa h c Xã h i, 1998, tr. 178. N u trung bình m t đ i (m t th h) là 23 đ n 25 năm, thì 7 đ i là t 161 đ n 175 năm. Nhà Hán (Han, 202 TCN - 220) Trung Hoa đ c chia thành 2 giai đ o n: Ti n Hán hay Tây Hán (Former Han, 202 TCN - 25) và H u Hán hay Đông Hán (Later Han, 25-220). Gi a Ti n Hán và H u Hán, t năm 9 đ n năm 23 là th i gian do V ng Mãng (Wang Mang) đ o chánh và c m qu n.

7. Bên Trung Hoa, nhà Đ ng (Tang) ch m đ t năm 907 khi Chu Toàn Trung (Chu Ch'uan-chung) đ o chánh, t đ Đ ng Ai Đ (tr vì 904-907), t mình lên làm vua, t c L ng Thái T (tr vì 907-914), p ra nhà H u L ng (907-923). T đó Trung Hoa r i vào tình tr ng h t s c xáo tr n g i là đ i Ng ũ đ i Th p qu c. i mi n b c Trung Hoa có năm tri u đ i k ti p nhau trong th i gian ng n là H u L ng (907- 923), H u Đ ng (923-935), H u T n (936-947), H u Hán (948-950), H u Châu (951-959). i mi n nam Trung Hoa, tr c sau m i n c đ c thành p, nên g i là Th p qu c: so v i ngày nay n c Ngô An Huy, Ti n Th c T Xuyên, Ngô Vi t Chi t Giang, S H Nam, Mân Vi t Phúc Ki n, Nam Hán Qu ng Đông, Nam Bình H B c, H u Th c T Xuyên, Nam Đ ng Giang Tô và B c Hán S n Tây. N c Nam Hán do L u Cung thành p năm 917 Qu ng Đông, là n c chi m đóng Giao Châu. Ngô Quy n đánh đ i quân Nam Hán năm 938, giành đ c p vĩnh vi n.

8. Ng i Trung Hoa luôn luôn t hào và g i các s c dân chung quanh là đông Di, tây Đ ch, b c Nhung, nam Man.

9. Nguy n Ph ng trích d ch, sđd. tt. 186-187.

10. Lê T c, An Nam chí l c [ch Nho], Hu : U ban Phiên d ch S li u Vi t Nam, Vi n Đ i h c Hu , phiên âm và d ch nghĩa, 1961, tr. 39.

11. Tr n Ng c Thêm, Tìm v b n s c văn hóa Vi t Nam, Nxb. TpHCM, 1997, tt. 75-86.

12. Keith Weller Taylor, The Birth of Vietnam [Vi t Nam khai sinh], University of California Press, 1983, tr. 35.

13. Nguy n Ph ng, sđd. trích d ch, tr. 137.

14. Bên Trung Hoa, th i Chi n qu c (479-221 TCN), t i n c T n, d i đ i T n Hi u Công (c m qu n 361-338 TCN), t t ng Th ng ng (390-338 TCN), bày ra cách t ch c h kh u đ thu thu . Đ n đ i Đ ng, t th k th 7 m i b thu theo s h kh u, đ t ra thu "dung" đánh vào t ng cá nhân (t c thu đnh).

15. Keith Weller Taylor, sđd. tr. 75. V v i c n y, tác gi Taylor căn c trên sách Tam qu c chí c a Tr n Th . (Sách n y khác v i Tam qu c chí di n nghĩa c a La Quán Trung là m t b ti u thuy t.)

16. Nguy n Ng c Huy, Qu c tri u hình lu t, phiên âm, d ch nghĩa và chú thích, Viet Publisher Th Quán, Hoa K , tr. 188.

17. Edward H. Schafer, Ancient China, New York: Time-Life Books, 1967, tr. 16 (17a), tt. 37, 38 (17b). Wang Ch'ung t c V ng Xung (27-97), tri t gia th i Đông Hán (25-220) là tác gi nhi u sách lý lu n v tri t h c, trong đó quan tr ng nh t là b Lu n hoành (Lun Heng, 30

quyán). Hoánh là cái cân, nghĩa ráng là cân nhác, so sánh.

18. Hoáng Văn Chí, Tá thác dân đán cáng sán, [nguyên bán báng Anh văn], bán dách cáa Mác Đánh, Paris: 1962, tr. 22.

19. Yoshiharu Tsuboi, Nác Đái Nam đái đán vái Trung Hoa, Nguyán Đánh Đáu dách, TpHCM: Ban Khoa Hác Xã Hái, 1990, tr. 142.

20. Nxb. Sá Thát, Sá thát vá quan há Viát Nam – Trung Quác trong 30 năm qua [tái liáu cáa đáng Cáng Sán Viát Nam, không đá tên tác giá], Hà Nái: 1979, tr. 16.